

Bản án số: 103/2021/DS-ST.

Ngày: 24 - 11 -2021.

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 4 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồng Vĩnh L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 32/2E, đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: Chị Đỗ Hoàng H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà 17, đường N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2020 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Cuối năm 2017, chị H có nhiều lần vay tiền của anh L với tổng số tiền 150.000.000 đồng, các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 16/12/2017 vay 30.000.000 đồng;
- Ngày 22/12/2017 vay 50.000.000 đồng;

- Ngày 11/01/2018 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 29/01/2018 vay 30.000.000 đồng;
- Ngày 08/02/2018 vay 20.000.000 đồng.

Hình thức cho vay là anh L chuyển vào tài khoản của ông Đỗ Văn S (cha chị H), sau đó chị H có viết xác nhận và cam kết sẽ trả toàn bộ số nợ trong vòng 01 năm kể từ ngày 08/02/2018 đến ngày 08/02/2019. Đến cuối năm 2018 chị H có chuyển trả cho anh số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Vì vậy, anh L yêu cầu chị H trả số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi suất 10% năm đối với số tiền nêu trên từ ngày 08/02/2019 đến ngày 03/32020 là 13 tháng bằng số tiền 10.833.000 đồng.

Trong các lần hòa giải bị đơn có trình bày: Trước đây chị và anh L là vợ chồng, sống chung không hạnh phúc nên đã ly hôn từ tháng 3 năm 2019. Vào năm 2017 lúc chưa cưới nhau anh L có cho chị vay 150.000.000 đồng, mục đích để cho Ba, Mẹ chị xây nhà, anh L có nói sau này tổ chức đám cưới thì đi tiền nạp tài giảm lại và khi nào có tiền thì trả cho anh, khi kết hôn xong, sống với nhau đến tháng 6 năm 2018 chị và anh L xảy ra mâu thuẫn, vì muốn rõ ràng về tiền bạc nên chị đã viết giấy nhận nợ với anh L và cam kết trả nợ theo thời gian trong giấy nợ đã ghi, nếu không làm đúng cam kết thì Chị phải bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2018 Chị và anh L đã hàn gắn tình cảm, lúc này anh L bàn với chị về mua căn hộ Kingdom 101, tọa lạc tại số 334, đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 11 năm 2018 do thiếu vốn để duy trì theo dự án căn hộ, nên anh L và Chị cùng đứng tên căn hộ vay tiền ngân hàng với số tiền 3.363.000.000 đồng, thì bên Ngân hàng sẽ hỗ trợ vốn vay và giải ngân theo từng đợt của dự án căn hộ, theo thỏa thuận sau khi bán hoặc thanh lý được căn hộ anh L sẽ chuyển tiền lời cho Chị tại thời điểm bán là 120.000.000 đồng, nếu không bán được căn hộ thì số tiền Chị thiếu anh L anh L cũng không thu hồi (xem như tất nợ). Thấy anh L đưa ra điều kiện hợp lý, nên chị cùng ký tên vay tiền cùng anh L, lúc đầu anh L nhờ ký nhưng không nói phải ký bao nhiêu lần, do tin tưởng anh L nên Chị đã ký tất cả các giấy tờ theo yêu cầu của anh L. Đến tháng 01 năm 2019 chị phát hiện anh L chung sống với người khác như vợ chồng, mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, nên chị không đồng ý tiếp tục ký tên cho anh L vay tiền, lúc này anh L thể hiện rõ mục đích vừa muốn ly hôn với chị lại vừa muốn chị ký tên để anh L vay tiền.

Ngày 22/02/2019, tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chị đồng ý ly hôn với anh L và không tranh chấp tài sản chung với anh L, anh L đồng ý mọi vấn đề tiền bạc, nợ nần xem như giải quyết xong, sau này không ai kiện tụng ra Tòa án. Như vậy, khi ly hôn xong chị không phải trả anh L số tiền 100.000.000 đồng, vấn đề thỏa thuận giữa chị và anh L đã được chị ghi âm lại và hiện nay căn hộ anh L cũng đã bán, nên chị không đồng ý yêu cầu của anh L, vì theo thỏa thuận thì

chị và anh L không còn nợ nần gì nhau, chị không có nghĩa vụ phải trả nợ cho anh L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu của anh L, vì theo kết quả giám định lời nói thì có căn cứ việc vay nợ giữa chị H và anh L đã giải quyết xong; đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hồng Vĩnh L kiện yêu cầu chị Đỗ Hoàng H trả cho Anh số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng, chị H có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V; căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

[2] Về nội dung: Anh L kiện đòi chị H trả cho anh số tiền vay 100.000.000 đồng, chị H thừa nhận có nợ anh Lợi 100.000.000 đồng, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, khi chị và anh L thỏa thuận việc ly hôn, anh L có thỏa thuận chị H không phải trả 100.000.000 đồng, xem như đã thỏa thuận xong phần chia tài sản cũng như thỏa thuận về nợ; tại phiên hòa giải ngày 20/5/2020 khi chị H trình bày vấn đề trên và đưa ra một USB trong đó có giọng nói mà chị H cho rằng giọng nói của anh L, nhưng anh L không thừa nhận, nên chị H có yêu cầu giám định.

Tòa án nhân dân thành phố V có ban hành quyết định trưng cầu giám định tại Phân Viện khoa học – Bộ Công an. Tại bản Kết luận giám định số: 614/C09B ngày 07/4/2021 kết luận “***Tiếng nói của người nam trong 02 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Hồng Vĩnh L trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra***”. Tại phiên tòa anh L không có ý kiến khiếu nại cũng như không có yêu cầu giám định lại. Như vậy, đủ căn cứ khẳng định giọng nói của anh L về việc thỏa thuận số nợ 100.000.000 đồng, theo thỏa thuận thì chị H không phải trả số nợ nêu trên, đổi lại chị H không tranh chấp tài sản chung với anh L, từ đó cho thấy anh L và chị H đã giải quyết xong về tài sản, cũng như nợ khi đã ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, không có cơ sở để buộc chị H phải trả 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh 10.833.000 đồng cho anh L, nên yêu cầu của anh L là không đủ căn cứ chấp nhận; anh L cho rằng giọng nói bị cắt ghép nhưng anh không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận..

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền phải nộp 5.541.500 đồng ($110.833.000đ \times 5\% = 5.541.500$ đồng).

[4] Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị H (bị đơn) và thấy việc giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành trưng cầu giám định với tổng số tiền 10.000.000đồng (02 lần). Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu số tiền 10.000.000 đồng là đúng theo quy định khoản 1 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự, số tiền này bị đơn đã tạm nộp trước, nên buộc nguyên đơn nộp lại để trả cho bị đơn.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn phải chịu án phí, chi phí tố tụng là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên nhận xét, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt những quy định của pháp luật tố tụng và vụ án được xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồng Vĩnh L, về việc đòi chị Đỗ Hoàng H trả cho anh số tiền 110.833.000 đồng (*Một trăm mười triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng*).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc anh Hồng Vĩnh L phải nộp 5.541.500 đồng (*Năm triệu năm trăm bốn mươi một ngàn năm trăm đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.771.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005306 ngày 25/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, anh L còn phải nộp thêm 2.770.500 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

- Chị Đỗ Hoàng H không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Buộc anh Hồng Vĩnh L phải nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền chi phí giám định, số tiền này được trả lại cho chị H.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng